

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ N  
TỈNH NINH BÌNH**

Số: 113/2020/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*TP. N, ngày 10 tháng 8 năm 2020*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 132/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1976;

- Bị đơn: Anh Vũ Văn D, sinh năm 1971;

Cùng địa chỉ: Số nhà 44, ngõ 27, đường Đ, phố 2, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 7 Điều 26, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 7 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31/7/2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Vũ Văn D.

**2.** Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cháu Vũ Yến C cho chị Bùi Thị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu Vũ Yến C đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Anh Vũ Văn D không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Anh Vũ Văn D có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung. Không ai được cản trở anh Vũ Văn D thực hiện quyền này. Khi cần thiết, các bên có quyền yêu

cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

2.2. Về tài sản chung, công nợ chung: Ghi nhận sự tự thỏa thuận phân chia tài sản chung, công nợ chung của anh Chị Bùi Thị H và anh Vũ Văn D như sau:

2.2.1. Chị Bùi Thị H được sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

- Quyền sử dụng diện tích đất 63,5 m<sup>2</sup>, thửa đất số 40, tờ bản đồ số 35 tại phố 2, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình (đã được UBND thành phố N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ151086 ngày 15/9/2009 mang tên Vũ Văn D và Bùi Thị H; 01 Nhà mái bằng 3 tầng xây dựng trên đất.

- Quyền sử dụng diện tích đất 125 m<sup>2</sup>, thửa đất số 324, tờ bản đồ số 06 tại xã V, huyện N, tỉnh Ninh Bình (đã được UBND huyện N cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB855293 ngày 31/12/2005 mang tên Bùi Thị H.

Chị Bùi Thị H có nghĩa vụ:

- Trả toàn bộ số công nợ chung gồm:

- + Nợ Ngân hàng C Tam Điệp số tiền: 830 triệu đồng.

- + Nợ Ngân hàng N Nho Quan số tiền: 500 triệu đồng.

- + Nợ Ngân hàng H số tiền: 150 triệu đồng.

- + Nợ bà Phạm Thị T, sinh năm 1976; Địa chỉ: Số nhà 22, ngõ 38, đường Đ, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình số tiền: 100 triệu đồng.

- + Nợ bà Phan Thị T, sinh năm 1987; Địa chỉ: Số nhà 24, đường P, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình số tiền: 170 triệu đồng.

- + Nợ bà Nguyễn Thùy D, sinh năm 1988; Địa chỉ: Số nhà 67, ngõ 1, đường T, phố 12, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình số tiền: 200 triệu đồng.

- + Nợ bà Lương Thị Thu H, sinh năm 1977; Địa chỉ: Phố T, phường T, thành phố N, tỉnh Ninh Bình số tiền: 310 triệu đồng.

- + Nợ bà Phạm Thị L, sinh năm 1977; Địa chỉ: đường P, phố 3, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình số tiền: 50 triệu đồng.

- Thanh toán cho anh Vũ Văn D số tiền: 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) ngay sau khi bán được tài sản là nhà đất tại phố 2, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

2.2.2. Anh Vũ Văn D được sở hữu, sử dụng tài sản gồm:

- 01 Máy xúc nhãn hiệu Komatsu.

- Được nhận số tiền 400.000.000đ (bốn trăm triệu đồng) từ chị Bùi Thị H thanh toán ngay sau khi bán được tài sản là nhà đất tại phố 2, phường Đ, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Anh Vũ Văn D có nghĩa vụ:

- Hoàn thiện thủ tục mua bán nhà đất cùng chị Bùi Thị H để chị Bùi Thị H lấy tiền thanh toán cho anh Vũ Văn D và các khoản công nợ chung.

2.3. Về án phí: Chị Bùi Thị H phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm là: 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng). Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố N theo biên lai thu số AA/2018/0001539 ngày 09/6/2020. Chị Bùi Thị H được trả lại số tiền 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng).

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND TP N;
- Chi cục THADS TP N;
- Lưu HS, VP.

**THẨM PHÁN**

**(ĐÃ KÝ)**

**Nguyễn Ngọc Bình**